TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 209/2019/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 15 tháng 10 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 149/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Lệ G, sinh năm 1996; Địa chỉ: thôn K, xã D, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

+ Bị đơn: Anh Lê Thành H, sinh năm 1997; Địa chỉ: thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Lệ G và anh Lê Thành H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Lệ G và anh Lê Thành H thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Chị Phạm Thị Lệ G và anh Lê Thành H có 01 con chung tên là Lê Thành N, sinh ngày 08-9-2015. Chị G, anh H thống nhất giao cháu N cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11-2019. Phương thức cấp dưỡng là hằng tháng.

Chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Lệ G và anh Lê Thành H đều khai không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng, tổng cộng là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị G tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị G đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu số 0003659, ngày 17 tháng 7 năm 2019. Chị G đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Quân